

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
1.1. Các văn bản Trung ương ban hành	1
1.2. Các văn bản của địa phương ban hành.....	2
1.3. Văn bản do huyện Sông Hinh ban hành.....	4
I. Tình hình quản lý đất đai	4
1.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (chi tiết xem biểu 01/CH).....	4
1.2. Biến động sử dụng các loại đất năm 2021 - 2022.....	8
1.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	10
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường.....	10
1.4.1. Những lợi thế	10
1.4.2. Những hạn chế	11
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC.....	11
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	11
2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất	11
2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất	25
2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất	26
2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.....	27
2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	27
2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch năm 2022.....	28
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	29
3.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	29
3.1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức.....	29
3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân	30
3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	31
3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	33
3.4. Diện tích đất cần thu hồi	33
3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	34
3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023.....	34
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	46
4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	46
4.2. Các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	47
4.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ.....	47
4.4. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	48
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	49
1. Kết luận	49
2. Kiến nghị.....	49

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sông Hinh là huyện miền núi của tỉnh Phú Yên được thành lập từ năm 1985, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Phú Yên, cách thành phố Tuy Hoà khoảng 60 km. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện có 89.262,01 ha, chiếm 17,78% diện tích tự nhiên của tỉnh Phú Yên. Huyện được chia làm 10 xã và 01 thị trấn, trung tâm huyện lỵ đặt tại thị trấn Hai Riêng. Dân số năm 2021 khoảng 52.040 người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 47%. Mật độ dân số trung bình 58 người/km².

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (Khoản 3, 4 Điều 40), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Khoản 3 Điều 7 và Khoản 4 Điều 9) và hướng dẫn tại Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì hàng năm huyện phải lập kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trong quý III, sau đó thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt tháng 12 hàng năm và tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt. Cũng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, những công trình, dự án không có trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì không được phép thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất.

Thực hiện Luật Đất đai, chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường và nhiệm vụ UBND huyện giao; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung ***lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên*** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp,...

1. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

1.1. Các văn bản Trung ương ban hành

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai; Chỉ thị số 01/CT-TTg, của Thủ tướng ngày 03/01/2018 về việc Chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng

hệ thống thông tin đất đai; Chỉ thị số 22/CT-TTg, ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

- Các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 665/2014/QĐ-CP, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Các Thông tư của Bộ tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Số 02/2015/TT-BTNMT, ngày 27/01/2015 về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Số 01/2017/TT-BTNMT, ngày 09/02/2017 về quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục-đào tạo, cơ sở thể dục thể thao; Số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Số 09/2021/TT-BTNMT, ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

1.2. Các văn bản của địa phương ban hành

** Văn bản do HĐND tỉnh Phú Yên*

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 27/09/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 9 về việc Quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí đầu tư hạ tầng, trong đó bao gồm cả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ X về Thu hồi CMĐ SĐĐ vì mục đích QP, AN; phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án, công trình trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ XII về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 213/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 14 về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 255/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên

khóa VII, kỳ họp thứ 17 về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết 13/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 05 năm (2021-2025) tỉnh Phú Yên

- Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 20 về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 20/01/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thu hồi đất, CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 322/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thu hồi đất, CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thu hồi đất, CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

** Văn bản do UBND tỉnh Phú Yên*

- Quyết định 1008/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh V/v Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên.

- Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt bổ sung các mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường vào Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Ban hành Danh mục đập, hồ chứa nước, thủy lợi lớn, vừa, nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND Tỉnh Về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung các điểm mỏ khoáng sản vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên v/v Ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2020-2024).

- Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý công sở trên địa bàn tỉnh.
- Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung và loại bỏ các điểm mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường khỏi Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 879/QĐ-UBND, ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sông Hinh.
- Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Sông Hinh.
- Quyết định số 607/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Sông Hinh.
- Quyết định số 844/QĐ-UBND, ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Danh mục không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên;
- Quyết định số 960/QĐ-UBND, ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản (11 mỏ đất) làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Phú Yên;
- Công văn số 3351/UBND-ĐTĐXD, ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

1.3. Văn bản do huyện Sông Hinh ban hành

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sông Hinh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Quyết định số 2107/QĐ-UBND, ngày 06/10/2021 của UBND huyện Sông Hinh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Sông Hinh (nguồn vốn do huyện quản lý).
- Quyết định số 2389/QĐ-TNMT ngày 11/8/2022 của UBND huyện Sông Hinh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí dự án: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên;
- Thông báo số 340/TB-UBND, ngày 21 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Sông Hinh về việc Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Và các công văn đăng ký nhu cầu sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các ban, ngành, các cấp của tỉnh và huyện.

I. Tình hình quản lý đất đai

1.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (chi tiết xem biểu 01/CH)

Theo kết thống kê năm 2021 và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023, diện tích đất đang được sử dụng cho các mục đích có 88.660,97 ha, chiếm 99,33% tổng diện tích tự nhiên, còn lại 201,04 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,67% tổng diện tích tự nhiên. Chi tiết tại biểu 01 sau:

Biểu 01: Hiện trạng sử dụng đất huyện Sông Hinh năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		89.262,01	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.324,72	85,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.062,04	2,31
<i>T. đó</i>	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.453,83</i>	<i>1,63</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.242,60	29,40
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.122,09	14,70
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,28	23,47
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,61	15,44
<i>T. đó</i>	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>4.840,49</i>	<i>5,42</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	0,13
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	59,36	0,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.336,25	13,82
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1,15
2.2	Đất an ninh	CAN	2,40	0,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,32	0,01
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	59,68	0,07
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,03	0,02
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,44	0,01
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.371,28	9,38
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>971,65</i>	<i>1,09</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>540,57</i>	<i>0,61</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,58</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,65</i>	<i>0,01</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,04</i>	<i>0,07</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,30</i>	<i>0,02</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>6.678,31</i>	<i>7,48</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,93</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>4,13</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>3,62</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...</i>	<i>NTD</i>	<i>80,74</i>	<i>0,09</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>4,77</i>	<i>0,01</i>
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,53	0,02
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,14	0,01
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	357,14	0,40
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	67,45	0,08
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	0,02
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,57	0,00
2.15	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,625	0,001
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2,59
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,15	0,06
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	601,04	0,67

Nguồn: Kết quả TKĐĐ năm 2022 - Phòng TN&MT.

a. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp có 76.324,72 ha, chiếm 85,51 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: Có diện tích 2.062,04 ha, chiếm 2,31% đất nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Có diện tích 26.242,60 ha, chiếm 34,38 % đất nông nghiệp. Đất trồng cây hàng năm phân bố ở hầu hết các xã.

- Đất trồng cây lâu năm: Có diện tích 13.122,09 ha, chiếm 17,19 % đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã.

- Đất rừng phòng hộ: Có diện tích 20.948,28 ha, chiếm 27,45 % đất nông nghiệp, phân bố ở xã Sông Hinh, Ea Trol và Ea Bar. Đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện chủ yếu là do Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý, sử dụng.

- Đất rừng sản xuất: Có diện tích 13.777,61 ha, chiếm 18,05 % đất nông nghiệp, phân bố ở 09/11 xã, thị trấn (trừ thị trấn Hai Riêng và xã Đức Bình Tây không có rừng sản xuất), tập trung chủ yếu ở xã Sông Hinh, Ea Trol, Ea Ly,...

Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Có 4.840,49 ha. Phân bố ở xã Ea Trol 1.515,02 ha, Sông Hinh 3.323,10 ha và Ea Ly 2,37 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Có diện tích 112,74 ha, chiếm 0,15 % đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn. Đất nuôi trồng thủy sản chủ yếu là các ao của hộ gia đình.

- Đất nông nghiệp khác: Có diện tích 59,36 ha, chiếm 0,08 % đất nông nghiệp, phân bố ở các xã Ea Lâm, Ea Trol, Ea Bar, Đức Bình Đông, thị trấn và Sơn Giang chủ yếu là đất để xây dựng trại giống cây trồng và trang trại chăn nuôi.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp có 12.336,25 ha, chiếm 13,82 % diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: Có diện tích 1.029,13 ha, chiếm 8,34 % diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung ở các xã Ea Trol, Sông Hinh, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bar và thị trấn Hai Riêng.

- Đất an ninh: Có diện tích 2,40 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Hai Riêng.

- Đất cụm công nghiệp: Có diện tích 3,52 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở xã Ea Bia.
- Đất thương mại, dịch vụ: Có diện tích 6,32 ha, chiếm 0,05 % diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có diện tích 59,68 ha, chiếm 0,48 % diện tích đất phi nông nghiệp. Chủ yếu là diện tích đất các nhà máy như: nhà máy chế biến phân vi sinh Phúc Trường Thịnh (Ea Ly), xưởng chế biến Cà phê và phân hữu cơ vi sinh (Ea Bar), nhà máy tinh bột sắn Fococev Sông Hinh (Ea Bia), nhà máy chế biến gỗ keo, ván ép (Đức Bình Tây) và các cơ sở chế biến cao su, đá Granit,...
- Đất cho hoạt động khoáng sản: Có diện tích 22,03 ha, chiếm 0,18 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Hai Riêng, xã Ea Bar, Đức Bình Đông và Sơn Giang.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: Có diện tích 6,44 ha, chiếm 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở xã Ea Ly, Đức Bình Đông và Sơn Giang.
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Trong cơ cấu đất phi nông nghiệp, loại đất này chiếm tỷ trọng cao (trên 67,86%) với diện tích 8.371,28 ha. Trong đó đất sử dụng cho các mục đích năng lượng (diện tích 6.678,31 ha, chiếm 79,78% đất phát triển hạ tầng), giao thông (chiếm 11,61 % đất phát triển hạ tầng) và thủy lợi (chiếm 6,46 % đất phát triển hạ tầng) chiếm tỷ lệ lớn; các mục đích còn lại như đất cơ sở văn hóa, đất cơ sở y tế, đất bưu chính viễn thông, đất chợ,... chiếm tỷ lệ nhỏ.
- Đất sinh hoạt cộng đồng: Có diện tích 17,53 ha, chiếm 0,14% diện tích đất phi nông nghiệp, Chủ yếu là diện tích đất xây dựng nhà văn hóa xã, nhà văn hóa (nhà sinh hoạt cộng đồng) các khu phố, thôn, buôn.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Có diện tích 9,14 ha, chiếm 0,07 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn, Đức Bình Đông và xã Ea Bia.
- Đất ở tại nông thôn: Có diện tích 357,14 ha, chiếm 2,89 % diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất ở tại đô thị: Có diện tích 67,45 ha chiếm 0,55 % diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có diện tích 18,56 ha, chiếm 0,15% diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Có diện tích 1,57 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất cơ sở tín ngưỡng: Có diện tích 0,63 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Có diện tích 2.310,17 ha, chiếm 18,73% diện tích đất phi nông nghiệp
- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có diện tích 49,15 ha, chiếm 0,40% diện tích đất phi nông nghiệp, chủ yếu là diện tích hồ trung tâm thị trấn Hai Riêng và hồ Ea Lâm 2.

- Đất phi nông nghiệp khác: Có diện tích 4,11 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp.

c. Đất chưa sử dụng

- Toàn huyện còn 601,14 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,67% diện tích đất tự nhiên, trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng: có 376,30 ha, chiếm 62,61% diện tích đất CSD.

- Đất đồi núi chưa sử dụng: có 224,74 ha, chiếm 37,39% đất chưa sử dụng.

1.2. Biến động sử dụng các loại đất năm 2021 - 2022

Tổng diện tích tự nhiên: Năm 2022 tổng diện tích trong địa giới hành chính của huyện có 89.262,01 ha, không biến động so với năm 2021, tình hình biến động đất đai của huyện năm 2022 so với năm 2021 qua biểu sau:

Biểu 02: Biến động sử dụng đất năm 2022 so với năm 2021

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2021	Diện tích năm 2022 (ha)	Tăng/giảm so với HT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		89.262,01	89.262,01	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.328,51	76.324,72	-3,79
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.055,53	2.062,04	6,51
<i>T. đó</i>	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.447,23</i>	<i>1.453,83</i>	<i>6,60</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.250,23	26.242,60	-7,63
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.129,67	13.122,09	-7,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,28	20.948,28	0,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,61	13.777,61	0,00
<i>T. đó</i>	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>4.840,49</i>	<i>4.840,49</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	112,74	0,00
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	54,45	59,36	4,91
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.332,46	12.336,25	3,79
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1.029,13	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,40	2,40	0,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,17	6,32	0,15
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	58,84	59,68	0,84
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,03	22,03	0,00
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,44	6,44	0,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.371,28	8.371,28	0,00
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>971,65</i>	<i>971,65</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>540,57</i>	<i>540,57</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,58</i>	<i>2,58</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,65</i>	<i>4,65</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,04</i>	<i>65,04</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,30</i>	<i>14,30</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>6.678,31</i>	<i>6.678,31</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,93</i>	<i>0,93</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>4,13</i>	<i>4,13</i>	<i>0,00</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2021	Diện tích năm 2022 (ha)	Tăng/giảm so với HT
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,62	3,62	0,00
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...	NTD	80,74	80,74	0,00
	Đất chợ	DCH	4,77	4,77	0,00
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,53	17,53	0,00
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,14	9,14	0,00
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	354,74	357,12	2,38
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	67,05	67,44	0,39
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	18,56	0,00
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,57	1,57	0,00
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,63	0,625	0,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2.310,17	0,00
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,15	49,15	0,00
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	4,11	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	601,04	601,04	0,00

Nguồn: - Kết quả TKĐĐ năm 20201 - Phòng TN&MT.

- Kết quả điều tra, tổng hợp thực hiện các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2022.

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2022 có 76.324,72 ha, giảm 3,79 ha so với năm 2021, do chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể các loại đất tăng, giảm như sau:

- Đất trồng lúa: Năm 2022 tăng 6,51 ha so với năm 2020, trong đó: đất chuyên trồng lúa tăng 6,6ha (hoàn thành giao đất dự án san ủi đồng ruộng và hệ thống kênh tưới cánh đồng buôn Đức Mùi, xã Ea Trol), đất trồng lúa còn lại giảm 0,09 ha do chuyển sang đất ở tại xã Sơn Giang.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2022 giảm 7,63 ha so với năm 2021, giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác (4,91 ha), đất phi nông nghiệp (trong đó chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,15 ha ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (0,84 ha) và chuyển sang đất ở 1,73 ha)

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2022 giảm 7,58 ha so với năm 2021, giảm do chuyển sang đất chuyên lúa 6,6 ha và chuyển sang đất ở 0,98.

- Các loại đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2022 không biến động so với năm 2021.

- Đất nông nghiệp khác: Năm 2022 tăng 4,91 ha (chuyển đất nông nghiệp khác hộ gia đình tại xã Đức Bình Đông) so với năm 2021.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp trong năm 2022 tăng 3,79 ha so với năm 2021, tăng do chuyển từ đất nông nghiệp sang, cụ thể diện tích tăng các loại đất như sau:

- Đất thương mại dịch vụ tăng 0,15 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 0,84 ha.

- Đất phát triển hạ tầng không biến động so với năm 2021.
- Đất ở nông thôn tăng 2,4 ha so với năm 2021, tăng từ đất lúa 0,09 ha; từ đất trồng cây hàng năm 1,42 ha và 0,89 ha từ đất trồng cây lâu năm.
- Đất ở đô thị tăng 0,4 ha so với năm 2021, tăng từ đất trồng cây hàng năm 0,31 ha và 0,09 ha từ đất trồng cây lâu năm.
- Các loại đất phi nông nghiệp còn lại năm 2022 không biến động so với năm 2021.

c. Đất chưa sử dụng: Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 có 601,04 ha, không biến động so với năm 2021.

1.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt; UBND huyện đã tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm (năm 2021, 2022 và 2023) theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Các địa phương đã thực hiện nghiêm túc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt; việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tuân thủ đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Việc thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện phát triển, đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tăng nguồn thu từ đất, từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện vào nền nếp.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

1.4.1. Những lợi thế

Qua phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội Sông Hinh có một số lợi thế so với các huyện miền núi lân cận:

- Lợi thế về nguồn nước: Có nhiều sông lớn, nguồn nước dồi dào nhiều vị trí xây dựng hồ, đập đảm bảo yêu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất trong huyện.

- Lợi thế về đất đai và khí hậu: Quỹ đất phát triển nông nghiệp lớn chiếm trên 85% diện tích tự nhiên, đất đai phì nhiêu, phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: mía, cao su, cà phê và cây ăn quả,...

- Nằm trong vùng có mưa nhiều, nền nhiệt độ cao, chế độ gió, độ ẩm, ánh sáng dao động trong phạm vi thích hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi.

- Quỹ đất phát triển các trang trại, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp còn nhiều tiềm năng phát triển để thu hút đầu tư.

- Lợi thế về tài nguyên rừng: Diện tích đất lâm nghiệp lớn, với nhiều chủng loại động thực vật phong phú, thuận lợi để hình thành các vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cây dược liệu...

- Lợi thế về địa lý: Sông Hinh là một trong những địa bàn chiến lược về quốc phòng của tỉnh và khu vực, là hậu phương vững chắc của các tỉnh Tây Nguyên. Tiếp giáp với hai tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, thuận lợi mở rộng quan hệ giao lưu trao đổi hàng hoá và hợp tác phát triển.

- Lợi thế về những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua: Được sự quan tâm của Trung ương và tỉnh, những năm qua tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đến nay các công trình thuỷ điện lớn, thuỷ lợi, giao thông, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc, các công trình phúc lợi xã hội,... cơ bản đã phủ kín các xã tạo thuận lợi để phát triển kinh tế và thu hút đầu tư từ bên ngoài,...

1.4.2. Những hạn chế

- Địa hình đồi núi dốc, lũ quét, hạn hán,... Dân cư phân bố phân tán, do đó phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng gặp nhiều khó khăn.

- Ngoài nông lâm nghiệp và công nghiệp điện năng, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ, du lịch...chậm phát triển, chưa có tác động mạnh đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu và yếu so với nhu cầu của xã hội, đặc biệt là giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sinh hoạt...vì vậy chưa tạo môi trường hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư.

- Tích lũy nội bộ cho đầu tư còn hạn chế, thu ngân sách không đủ chi thường xuyên, khả năng thu hút đầu tư từ bên ngoài chưa cao. Khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất chưa sâu rộng, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn nhiều lúng túng. Sản lượng sản phẩm sản xuất ra ít, chất lượng chưa cao và thiếu định hướng thị trường tiêu thụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, huyện đã lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại Quyết định số 607/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022. Đây là một trong những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để tỉnh và huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ tăng trưởng kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh của huyện. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện như sau:

2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

a. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án (công trình, dự án năm 2022 đã thực hiện, chuyển tiếp sang năm 2023 và loại bỏ ra ngoài kế hoạch năm 2023).

a.1. Đánh giá kết quả thực hiện theo tổng số công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đã được phê duyệt

Năm 2022, đưa vào thực hiện 118 hạng mục công trình, dự án và 08 hạng mục giao đất, cho thuê đất nông nghiệp. Kết quả thực hiện được 03/118 công trình, đạt 2,54 % tổng số hạng mục công trình, dự án và 01/08 hạng mục giao đất dự án. Còn lại 110 hạng mục (04 công trình loại bỏ, 01 hạng mục chuyển sang mục :Mở rộng, giao đất, cho thuê đất nông nghiệp, đất ở) và 07 hạng mục giao đất, cho thuê đất nông nghiệp trên địa bàn huyện đề nghị chuyển tiếp sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện.

Biểu 03: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đã thực hiện

TT	Hạng mục	Địa điểm	D. tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giao đất cho các hộ dân tại dự án Quy hoạch khu dân cư khu phố 3, thị trấn Hai Riêng,	TT. Hai Riêng	0,09
2	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn dự án Quy hoạch lô 2, khu dân cư thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	0,52
3	Bán đấu giá quyền SDD ở nông thôn thuộc Công trình điểm dân cư Lâm Trường 2/4, thôn 2/4 xã Ea Ly, huyện Sông Hinh. (17 lô)	Ea ly	0,40
4	Giao đất dự án san ủi đồng ruộng và hệ thống kênh tưới cánh đồng buôn Đức Mùi	Ea Trol	6,60

* Hạng mục công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 110 công trình

Biểu 04: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đề nghị chuyển tiếp sang năm 2023

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
1.	Căn cứ hậu phương 3 (Khu vực quốc phòng 2 tại Hòn Cò)	Ea Trol	25,00
2.	Thao trường bắn cùm xã tại Buôn Trinh	Ea Bar	4,20
3.	Trận địa 12,7mm tại khu phố 3 (Công trình chiến đấu 1 tại khu phố 3)	Hai Riêng	2,68
4.	Trụ sở công an xã Ea Lâm	Ea Lâm	0,08
5.	Trụ sở công an xã Đức Bình Tây	Đức Bình Tây	0,10
6.	Trụ sở công an xã Sơn Giang	Sơn Giang	0,10
7.	Trụ sở công an xã Ea Bar	Ea Bar	0,13
8.	Trụ sở công an xã Ea Trol	Ea Trol	0,09
9.	Trụ sở công an xã Sông Hinh	Sông Hinh	0,10
10.	Trụ sở công an xã Ea Ly	Ea Ly	0,10
11.	Trụ sở công an xã Ea Bia	Ea Bia	0,10
12.	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá)	Ea Bá, Ea Bar	17,00
13.	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi	Ea Bar, Ea Ly	11,00

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly		
14.	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông	Sơn Giang, Đức Bình Đông	19,00
15.	Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi xã Đức Bình Tây	Ea Bia, Đức Bình Tây	13,00
16.	Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đấu nối	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	0,78
17.	Đường dây và trạm biến áp 110 KV	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	0,71
18.	Mở rộng trụ sở tòa án huyện Sông Hinh	Hai Riêng	0,09
19.	Trang trại chăn nuôi Tổ Hợp Xanh	Ea Ly	26,27
20.	Trang trại Bò công nghệ cao Đức Bình Phú Yên	Tân Lập - Đức Bình Đông	4,20
21.	Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao khép kín DLH Farm - Ea Bar	Ea Đin- Ea Bar	31,01
22.	Trang trại chăn nuôi heo Buôn Bai	Buôn Bai, Ea Lâm	25,51
23.	Trang trại chăn nuôi heo Ea Lâm	Buôn Bai, Ea Lâm	26,47
24.	Trang trại chăn nuôi heo Ea Trol	Ea Trol	21,14
25.	Trang trại chăn nuôi heo Ea Bar 1	Buôn Ken, Ea Bá, Buôn Trinh xã Ea Bar	23,18
26.	Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao Sông hinh	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông	25,04
27.	Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Bar 2	Buôn Trinh, Ea Bar	21,49
28.	Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Ly 1	Tân Yên - Ea Ly	20,24
29.	Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại khu phố 10 thị trấn	Hai Riêng	0,07
30.	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Nam Vương	thôn 2/4, xã Ea Ly	0,20
31.	Khu du lịch khu sinh thái Thác Draï Tang	Ea Trol	2,36
32.	Xây dựng nhà máy nước Hai Riêng Công suất 5.000 m ³ /ngđ	Ea Bia	0,98
33.	Nhà Máy sản xuất gạch xi măng không nung Cty TNHHTM Tô Gia	Hai Riêng	1,00
34.	Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biều (Cty cổ phần 3-2)	Sơn giang	0,50
35.	Mở rộng diện tích nhà máy keo tại Buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	3,00
36.	Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1	Hai Riêng	5,00
37.	Đất san lấp tại đồi buôn Suối Mây	Hai Riêng	1,78
38.	Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất san lấp thôn Tân Yên, xã Ea Ly)	Ea Ly	3,59
39.	Đất san lấp buôn Quang Dù (Công ty TNHH	Đức Bình Tây	2,43

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	Nhất Lam 2,43 ha, thửa 359 tờ BĐ 35)		
40.	Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba	Sơn Giang	4,00
41.	Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba	Đức Bình Đông	5,48
42.	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Hai Riêng	34,23
43.	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Sông Hình 3 (sử dụng 233 ha diện tích mặt nước hồ thủy điện Sông Hình, không tính diện tích tăng thêm. Diện tích chiếm đất đặt Trạm biến áp 1,0 ha)	Ea Trol	1,00
44.	Tuyến đường từ QL29 đi buôn Diêm	Hai Riêng	1,60
45.	Đường Nguyễn Công Trứ nổi dài	Hai Riêng	0,073
46.	Đường Nguyễn Du	Hai Riêng	1,66
47.	Đường giao thông buôn Thô đi Suối Mây	Hai Riêng	1,97
48.	Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng	Hai Riêng	4,74
49.	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)	Hai Riêng	0,25
50.	Đường giao thông từ Lương Văn Chánh đến giáp đường QL29	Hai Riêng	3,50
51.	Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách	Hai Riêng	1,80
52.	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar	Ea Bar	0,16
53.	Trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	1,40
54.	Công viên cây xanh xã Ea Ly	Ea Ly	2,10
55.	Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông	Ea Bia	1,00
56.	Công viên tuyến đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm	Hai Riêng	2,50
57.	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Hai Riêng	2,30
58.	Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)	Hai Riêng	0,73
59.	Bán đấu giá QSD đất ở đô thị một phần diện tích thửa 47 tờ bản đồ số 122 tại khu phố 5	Hai Riêng	0,014
60.	Giao đất, bán đấu giá QSD đất ở đô thị các lô trong khu quy hoạch dân cư khu phố 7	Hai Riêng	0,46
61.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trường mẫu giáo Ea Trol điểm trường thôn kinh tế 2)	Ea Trol	0,07
62.	Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102	Hai Riêng	0,18
63.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang	Sơn giang	0,20
64.	DA cơ sở hạ tầng QH dân cư và công trình công cộng khu phố 7	Hai Riêng	0,83
65.	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng KP 9 (KP9+	Hai Riêng	0,10

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	buôn Suối Mây)		
66.	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền	Hai Riêng	0,03
67.	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố 7	Hai Riêng	0,10
68.	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyên) buôn Suối Mây (thửa 65 tờ bản đồ số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ số 12)	Hai Riêng	0,33
69.	Mở rộng đất trồng lúa nước tại buôn Học (khu vực trạm bơm Ea Lâm 1)	Ea Lâm	20,00
70.	Xây dựng đường lên đồi 75 (nhà Ma Sói lên đồi 75)	Ea Lâm	0,51
71.	Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75	Ea Lâm	1,28
72.	Mở rộng đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đi trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	0,40
73.	Dự án mở rộng điểm giải dân Buôn Bai	Ea Lâm	1,80
74.	Mở rộng tuyến đường từ chợ (thôn Đồng Phú) đến giáp ngã 3 (QL 19C thôn An Hòa)	Đức Bình Tây	0,65
75.	Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	1,83
76.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mầm non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ số 17)	Đức Bình Tây	0,193
77.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và điểm trường mầm non Thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16)	Đức Bình Tây	0,686
78.	Sân thể thao trung tâm xã Ea Bá	Ea Bá	0,87
79.	Nối dài tuyến đường T18 thôn Nam Giang	Son Giang	0,20
80.	Đường dọc kênh chính Tây đi hồ Suối Thị	Son Giang	1,23
81.	Mở rộng nghĩa địa thôn Vạn Giang	Son Giang	1,00
82.	Đường giao thông trong các khu dân cư phân lô (mở nối từ khu dân cư bán đấu giá QSDĐ lô 2 Tân Lập lên đến đường nhựa và nâng cấp đoạn từ đường QL29 đến khu dân cư bán đấu giá lô 2 Tân Lập)	Đức Bình Đông	1,10
83.	Quy hoạch KDC lô 2 Bình Giang (Bán đấu giá QSD đất khu quy hoạch dân cư Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang)	Đức Bình Đông	1,60
84.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn tại nhà SHCD thôn Chí Thán.	Đức Bình Đông	0,01
85.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn tại phân trường tiểu học thôn Đức Hiệp.	Đức Bình Đông	2,00
86.	Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,04
87.	Nhà SHCD và thể thao thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,20
88.	Thu hồi, CMD trường tiểu học Ea Bar tại Buôn Chung sang đất ở nông thôn	Buôn Chung, Ea Bar	0,03

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
89.	Đường nội đồng từ hồ Buôn Đức đi QL 19C	Ea Trol	0,80
90.	Đường nội đồng từ QL 19C đi đồng ruộng buôn Đức Mùi	Ea Trol	0,55
91.	Quy hoạch nghĩa địa thôn Chư Sai	Ea Trol	0,70
92.	Mở rộng Nghĩa địa buôn Thu	Ea Trol	0,40
93.	Nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn	Ea Trol	0,10
94.	Mở rộng tuyến đường từ QL19C đi thôn Hà Roi (từ nhà sinh hoạt công đồng thôn Ea Ngao đi thôn Hà Roi)	Sông Hinh	1,26
95.	Mở rộng nghĩa địa thôn Hòa Sơn	Sông Hinh	0,92
96.	Mở rộng nghĩa địa thôn Hà Roi	Sông Hinh	0,72
97.	Mở rộng nghĩa địa buôn Kít	Sông Hinh	1,00
98.	Khu dân cư Suối Dừa (Ea Ngao)	Sông Hinh	0,72
99.	Mở mới tuyến đường nội bộ khu dân cư thôn Tân Yên	Ea Ly	0,15
100.	Bên xe xã Ea Ly	Ea Ly	0,68
101.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 từ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Ea Ly	0,49
102.	Đường nội đồng từ rẫy Hờ Béo (buôn Ma Sung) đến ngã ba thôn Bình Giang - Đức Bình Đông	Ea Bia	0,97
103.	Mở mới tuyến đường từ nhà Ma Đim đi đường liên buôn Krông và 2 Klôc	Ea Bia	0,30
104.	Nâng cấp và mở mới tuyến từ rẫy Lê Văn Ván đến giáp đường BTXM liên xã đi xã Ea Trol	Ea Bia	0,24
105.	Nâng cấp mở rộng tuyến từ buôn Krông đến buôn Dành	Ea Bia	0,50
106.	Đường vào nghĩa địa buôn Nhum	Ea Bia	0,05
107.	Nâng cấp mở rộng tuyến từ rẫy Mi Vét đến rẫy ông Ma Cang	Ea Bia	0,16
108.	Nâng cấp mở rộng tuyến từ rẫy Mi Vét đến thác Jrai Thur	Ea Bia	0,25
109.	Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum	Ea Bia	0,60
110.	Mở rộng nghĩa địa Buôn Krông	Ea Bia	0,61

Ngoài ra, có 09 hạng mục giao đất, cho thuê đất nông nghiệp trên địa bàn huyện đề nghị chuyển tiếp (trong đó đã tách 01 hạng mục Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá thành 02 hạng mục theo hai Quyết định: số 2123/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND huyện và Quyết định số 247/QĐ-UBND, ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh; 01 hạng mục chuyển từ hạng mục công trình, dự án) và 66 công trình đã xây dựng, nhưng chưa làm thủ tục đất đai sẽ đưa vào phương án KHSD đất năm 2023 để làm thủ tục đất đai, thuộc nhiều chủ đầu tư (cụ thể xem phụ biểu).

Công trình, dự án đề nghị loại bỏ ra ngoài kế hoạch sử dụng đất năm 2023: có 04 công trình:

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Nguyên nhân
1	Trụ sở công an xã Ea Bá	Ea Bá	0,10	Không đủ diện tích 1000m ² (đo đạc thực tế có 700m ²)
2	Trụ sở công an xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	0,10	Không đủ diện tích 1000m ² (đo đạc thực tế có 270m ²). Hiện đã xác định được vị trí, diện tích 0,1ha từ đất Chợ gần ngã tư Cầu đương. Do vậy, phải chờ điều chỉnh Quy hoạch SDD đến năm 2030.
3	Nối dài kênh T20, T32 và T34 sau Nhà máy thủy điện Sông Hinh	Sơn Giang	1,40	Không có kế hoạch triển khai
4	Mở rộng nghĩa địa Chí Thán	Đức Bình Đông	1,00	Không có kế hoạch bố trí vốn

a.2. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2022 đã được thông qua tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên địa bàn huyện Sông Hinh, năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 có tổng số 50 công trình, dự án với tổng diện tích 142,16 ha được HĐND tỉnh thông qua để thực hiện công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại các Nghị quyết 225/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (01 công trình, dự án); Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 20/01/2021 (03 công trình, dự án); Nghị quyết số 322/NQ-HĐND, ngày 27/4/2021 (06 công trình, dự án); Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 31/3/2022 (35 công trình, dự án) và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 (05 công trình, dự án).

Tình hình thực hiện các công trình như sau:

- Công trình, dự án đã hoàn thành: không.
- Công trình, dự án đề nghị loại bỏ: 01 công trình (Nối dài kênh T20, T32 và T34 sau Nhà máy thủy điện Sông Hinh, diện tích 1,4 ha, xã Sơn Giang)
- Công trình, dự án còn lại chưa thực hiện và đề nghị chuyển tiếp sang năm 2023: 49 công trình, dự án, tổng diện tích thu hồi, chuyển mục đích 140,76 ha.

Biểu 05: Đánh giá danh mục công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thông qua

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Đánh giá		
				Hoàn thành	Loại bỏ	Chuyển tiếp
I	Các công trình theo Nghị quyết 225/NQ-HĐND ngày 10/7/2020					

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Đánh giá		
				Hoàn thành	Loại bỏ	Chuyển tiếp
1	Dự án mở rộng điểm giải dân Buôn Bai	Ea Lâm	2,20			X
II	Các công trình theo Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 20/01/2021					
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar	Ea Bar	0,16			X
2	Quy hoạch khu dân cư và công trình công cộng khu phố 7	Hai Riêng	0,83			X
3	Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,45			X
III	Các công trình theo Nghị quyết số 322/NQ-HĐND, ngày 27/4/2021					
1	Khu dân cư Suối Dừa (Ea Ngao)	Sông Hinh	0,72			X
2	Mở rộng nghĩa địa Buôn Krông	Ea Bia	0,61			X
3	Quy hoạch nghĩa địa thôn Chư Sai	Ea Trol	0,40			X
4	Mở rộng Nghĩa địa buôn Thu	Ea Trol	0,70			X
5	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,20			X
6	Công viên cây xanh xã Ea Ly	Ea Ly	2,31			X
IV	Các công trình theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013					
1	Mở mới tuyến đường nội bộ khu dân cư thôn Tân Yên	Ea Ly	0,15			X
2	Quy hoạch KDC lô 2 Bình Giang (Bán đấu giá QSD đất khu quy hoạch dân cư Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang)	Đức Bình Đông	1,30			X
3	Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	1,83			X
4	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyên) buôn Suối Mây (thửa 65 tờ bản đồ số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ số 12)	Hai Riêng	0,33			X
5	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Ea Ly	0,50			X
6	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và điểm trường mầm non Thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16)	Đức Bình Tây	0,69			X
7	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mầm non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ số 17)	Đức Bình Tây	0,19			X
8	Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đầu nối	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	0,78			X
9	Đường dây và trạm biến áp 110 KV	Hai Riêng	0,61			X
10	Đường dây và trạm biến áp 110 KV	Đức Bình Tây	0,09			X
11	Đường dây và trạm biến áp 110 KV	Ea Bia,	0,01			X
12	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá)	Ea Bá, Ea Bar	17,00			X
13	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly	Ea Bar, Ea Ly	11,00			X
14	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly	Son Giang, Đức Bình Đông	19,00			X
15	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông	Ea Bia, Đức Bình Tây	13,00			X

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Đánh giá		
				Hoàn thành	Loại bỏ	Chuyển tiếp
16	Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum	Ea Bia	0,60			X
17	Nối dài tuyến đường T18 thôn Nam Giang	Sơn Giang	0,20			X
18	Xây dựng đường lên đồi 75 (nhà Ma Sói lên đồi 75)	Ea Lâm	0,51			X
19	Nối dài kênh T20, T32 và T34 sau Nhà máy thủy điện Sông Hinh	Sơn Giang	1,40		X	
20	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Hai Riêng	34,23			X
21	Đường Nguyễn Công Trứ nối dài	Hai Riêng	0,07			X
22	Đường Nguyễn Du	Hai Riêng	1,66			X
23	Đường giao thông buôn Thô đi Suối Mây	Hai Riêng	1,97			X
24	Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng	Hai Riêng	4,74			X
25	Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông	Ea Bia	1,00			X
26	Nâng cấp cải tạo phía Tây Nam hồ Trung Tâm	Ea Bia	2,54			X
27	Trạm y tế xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	0,35			X
28	Trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	1,40			X
29	Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách	Hai Riêng	1,80			X
30	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Hai Riêng	2,30			X
31	Trường THCS xã Ea Bia	Ea Bia	1,08			X
32	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)	Hai Riêng	0,25			X
33	Đường giao thông từ Lương Văn Chánh đến giáp đường QL29	Hai Riêng	3,50			X
34	Tuyến đường từ QL29 đi buôn Diêm	Hai Riêng	1,60			X
35	Công viên tuyến đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm	Hai Riêng	2,50			X
V Các công trình theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013						
1	Sân vận động xã Ea Bá	Xã Ea Bá	0,90			X
2	Nghĩa trang thôn Hà Roi	Xã Sông Hinh	0,80			X
3	Nghĩa trang thôn Hòa Sơn	Xã Sông Hinh	1,00			X
4	Giáo xứ Sơn Giang	Xã Sơn Giang	0,10			X
5	Nghĩa trang buôn Kít	Xã Sông Hinh	0,60			X
TỔNG SỐ		50	142,16		1	49

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và phòng Tài nguyên và môi trường

b. Đánh giá kết quả thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất

Theo số liệu Thống kê đất đai năm 2021 và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2022, kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện Sông Hinh như sau:

Biểu 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KH được duyệt năm 2022 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) 100
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		89.262,01	89.262,01	0,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.144,59	76.324,72	180,13	100,24
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.079,45	2.062,04	-17,41	99,16
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.472,57</i>	<i>1.453,83</i>	<i>-18,74</i>	<i>98,73</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.005,04	26.242,60	237,56	100,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	12.731,45	13.122,09	390,64	103,07
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,28	20.948,28	0,00	100,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.776,41	13.777,61	1,20	100,01
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>6.616,57</i>	<i>4.840,49</i>	<i>-1.776,08</i>	<i>73,16</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	109,15	112,74	3,59	103,29
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	494,80	59,36	-435,44	12,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.522,74	12.336,25	-186,49	98,51
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.036,01	1.029,13	-6,88	99,34
2.2	Đất an ninh	CAN	3,40	2,40	-1,00	70,58
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00	100,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	15,38	6,32	-9,06	41,09
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	73,96	59,68	-14,27	80,70
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,53	22,03	0,50	102,32
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	28,02	6,44	-21,58	22,98
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.474,24	8.371,28	-102,96	98,79
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.059,40</i>	<i>971,65</i>	<i>-87,75</i>	<i>91,72</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>549,83</i>	<i>540,57</i>	<i>-9,26</i>	<i>98,31</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,40</i>	<i>2,58</i>	<i>0,18</i>	<i>107,51</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,60</i>	<i>4,65</i>	<i>0,05</i>	<i>101,09</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>61,62</i>	<i>65,04</i>	<i>3,43</i>	<i>105,56</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,94</i>	<i>14,30</i>	<i>-0,64</i>	<i>95,71</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>6.680,25</i>	<i>6.678,31</i>	<i>-1,94</i>	<i>99,97</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,93</i>	<i>0,93</i>	<i>0,00</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>4,13</i>	<i>4,13</i>	<i>0,00</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>3,51</i>	<i>3,62</i>	<i>0,11</i>	<i>103,07</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...</i>	<i>NTD</i>	<i>88,05</i>	<i>80,74</i>	<i>-7,31</i>	<i>91,70</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>4,59</i>	<i>4,77</i>	<i>0,18</i>	<i>103,92</i>
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	18,05	17,53	-0,52	97,12
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	16,85	9,14	-7,71	54,25
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	367,75	357,14	-10,61	97,11
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	84,12	67,45	-16,67	80,18
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,24	18,56	0,33	101,79

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KH được duyệt năm 2022 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) 100
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,29	1,57	0,29	122,44
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,625	0,625	0,00	100,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.306,51	2.310,17	3,66	100,16
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,15	49,15	0,00	100,00
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	4,11	0,00	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	594,68	601,04	6,36	98,94

Nguồn: - Quyết định số 607/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 của huyện Sông Hinh; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Nhận xét:

b.1. Đất nông nghiệp: Thực hiện 76.324,72 ha/76.144,59 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 180,13 ha. Diện tích đất nông nghiệp thực hiện chưa đạt là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện. Cụ thể các chỉ tiêu thực hiện như sau:

- Đất trồng lúa: thực hiện 2.062,04 ha/2.079,45 ha, đạt 99,16 %. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 17,41 ha. Diện tích thấp chủ yếu do chưa thực hiện hạng mục Mở rộng đất trồng lúa nước tại buôn Học (khu vực trạm bơm Ea Lâm 1) tại xã Ea Lâm và một phần chuyển sang đất phi nông nghiệp (chuyển sang đất ở 0,09 ha).

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: kết quả thực hiện 1.453,83 ha/1.472,57 ha, đạt 98,73%, thấp hơn 18,74 ha so với kế hoạch được duyệt. Do chưa thực hiện hạng mục Mở rộng đất trồng lúa nước tại buôn Học (khu vực trạm bơm Ea Lâm 1) tại xã Ea Lâm (20,0 ha) và điều chỉnh theo kết quả thống kê đất đai năm 2021

- Đất trồng cây hàng năm khác: thực hiện 26.242,60 ha/26.005,04ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 237,56 ha. Do chưa chuyển sang đất trồng lúa nước, đất nông nghiệp khác, đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội và điều chỉnh theo kết quả thống kê đất đai năm 2021.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất trồng cây hàng năm khác giảm 139,05 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án và chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân. Kết quả thực hiện 2,72 ha, đạt 1,96 %.

- Đất trồng cây lâu năm: thực hiện 13.122,09 ha/12.731,45 ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 390,64 ha. Do chưa chuyển sang đất lúa, đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất trồng cây lâu năm giảm 38,04 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án và

chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân. Kết quả thực hiện 0,98 ha, đạt 2,58%.

- Đất rừng phòng hộ: thực hiện 20.948,28ha/20.948,28ha. đạt 100%.

- Đất rừng sản xuất: thực hiện 13.777,61 ha/13.776,41 ha. Diện tích cao hơn so với kế hoạch 1,2 ha là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp (đất giao thông và đất năng lượng).

- Đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện 112,74ha/109,15ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 3,59 ha. Diện tích thấp là do điều chỉnh theo kết quả thống kê đất đai năm 2021.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,02 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện 0 %.

- Đất nông nghiệp khác: thực hiện 59,36 ha/494,80 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 435,44 ha. Diện tích thấp là do chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân và các doanh nghiệp chăn nuôi.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất nông nghiệp khác tăng 458,67 ha với hiện trạng.

b.2. Đất phi nông nghiệp: thực hiện 12.336,25 ha/12.522,74 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 186,49 ha. Diện tích thực hiện thấp chủ yếu là do chưa thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: thực hiện 1.029,13 ha/1.036,01 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 6,88 ha. Do thực hiện hoàn thành các công trình, dự án: Thao trường bắn cùm xã tại Buôn Trinh, diện tích 4,2 ha tại xã Ea Bar; Trận địa 12,7mm tại khu phố 3, diện tích 2,68 ha tại thị trấn Hai Riêng; Căn cứ hậu phương 3, diện tích 25,0 ha tại xã Ea Trol (hạng mục đã được thống kê đất quốc phòng).

- Đất an ninh: thực hiện 2,40 ha/3,40 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 1,0 ha. Do chưa thực hiện công trình, dự án: xây dựng Trụ sở công an tại 09 xã (Trụ sở công an xã Ea Lâm 0,08 ha đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai theo qui định).

- Đất cụm công nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất cụm công nghiệp không thay đổi về diện tích so với năm 2021. Kết quả thực hiện 3,52 ha/3,52 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ: thực hiện 6,32 ha/15,38 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 9,06 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102 (0,18ha) tại thị trấn Hai Riêng; Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại khu phố 10 thị trấn (0,07 ha); Khu du lịch khu sinh thái Thác Draï Tang (5,0 ha) tại xã Ea Trol; Trạm cân Nguyễn Thị Thanh Huyền (0,03 ha) tại xã Ea Trol; đất thương mại dịch vụ trong dự án Khu đô thị Hồ trung tâm tại TT Hai Riêng.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: thực hiện 59,68 ha/73,96 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 14,27 ha. Do chưa thực hiện các

công trình, dự án: Xây dựng nhà máy nước Hai Riêng Công suất 5.000 m³/ngày; Nhà Máy sản xuất gạch xi măng không nung Cty TNHH TM Tô Gia, thị trấn Hai Riêng; Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biều (Cty cổ phần 3-2) tại xã Sơn Giang; Mở rộng diện tích nhà máy keo tại Buôn Quang Dù và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: thực hiện 22,03 ha/21,53 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,50 ha. Diện tích cao hơn là do điều chỉnh theo kết quả thống kê đất đai năm 2021.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2021 đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản giảm 0,5 ha (do chuyển sang đất xây dựng Khu chế biến đá VLXD thông thường thuộc mỏ đá thôn Suối Biều (công ty cổ phần 3-2) tại xã Sơn Giang) so với năm 2021, kết quả chưa thực hiện (đạt 0%).

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: thực hiện 6,44 ha/28,02ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 21,58 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba, xã Sơn Giang (4,0 ha); Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1, thị trấn Hai Riêng (5,0 ha); Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba, xã Đức Bình Đông (5,48 ha); Đất san lấp tại đồi buôn Suối Mây, TT Hai Riêng (1,78 ha); Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất san lấp thôn Tân Yên, xã Ea Ly), diện tích 3,59 ha; Đất san lấp buôn Quang Dù (Công ty TNHH Nhất Lam 2,43 ha, thửa 359 tờ BĐ 35), xã Đức Bình Tây (2,43 ha).

- Đất phát triển hạ tầng: thực hiện 8.371,28 ha/8.474,24 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 102,96 ha. Diện tích thực hiện thấp do chưa thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện (chưa bố trí được vốn đầu tư hoặc đang trong quá trình thực hiện các bước khảo sát, đo đạc, xây dựng PABTGPMB, xác định hệ số giá,...), trong đó diện tích nhiều là các tuyến đường giao thông cấp tỉnh (Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá), diện tích 17,0 ha; Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly, diện tích 11,0 ha; Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông, diện tích 19,0 ha; Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi Đức Bình Tây, diện tích 13,0 ha. Giao thông cấp huyện, xã có 27 tuyến đường giao thông chưa thực hiện, tổng diện tích 25,9 ha. Các công trình đất thủy lợi (Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách, Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar, Trạm bơm Ea Lâm 2), diện tích 3,36 ha. 08 hạng mục mở rộng đất nghĩa trang, nghĩa địa với tổng diện tích 5,95 ha,...

- Đất sinh hoạt cộng đồng: thực hiện 17,53 ha/18,05 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,52 ha.

Theo kế hoạch được duyệt, đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,52 ha. Kết quả không thực hiện được (đạt 0%). Các công trình chưa thực hiện gồm có: Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng KP 9 (KP9+ buôn Suối Mây); Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền; Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố 7; Nhà SHCĐ và thể thao thôn Chư Blôi; Nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: thực hiện 9,14 ha/16,85 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 7,71 ha. Diện tích thực hiện thấp do chưa thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 loại đất này tăng 8,00 ha. Kết quả chưa thực hiện (đạt 0%). Các công trình chưa thực hiện gồm có: Công viên cây xanh xã Ea Ly; Nâng cấp, cải tạo khép kín khu đồi thông; Công viên tuyến đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng dự án Khu đô thị Hồ trung tâm.

- Đất ở tại nông thôn: thực hiện 357,14 ha/367,75 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 10,61 ha. Thực hiện thấp là do các dự án quy hoạch khu dân cư, dự án bán đấu giá đất ở nông thôn và chuyển mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất ở tại nông thôn tăng 13,61 ha. Kết quả thực hiện 2,4 ha, đạt 17,63 %.

- Đất ở tại đô thị: thực hiện 67,45 ha/84,12 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 16,67 ha. Thực hiện thấp là do các dự án quy hoạch khu dân cư, dự án bán đấu giá đất ở và chuyển mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị trấn Hai Riêng.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất ở tại đô thị tăng 16,93 ha. Kết quả thực hiện 0,4 ha, đạt 0,24%.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: thực hiện 18,56 ha/18,24 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,33 ha. Diện tích cao hơn là do chưa thực hiện chuyển mục đích, giao đất an ninh để xây dựng trụ sở công an tại các xã.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,91 ha để thực hiện công trình Trụ sở công an tại các xã nhưng chưa thực hiện xong (đạt 0%).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: thực hiện 1,57 ha/1,29 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,29 ha. Diện tích cao hơn là do điều chỉnh theo kết quả thống kê đất đai năm 2021.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp ổn định so với năm 2021.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: thực hiện 0,63 ha/0,63 ha. trong năm 2022 đất cơ sở tín ngưỡng không thay đổi về quy mô diện tích tích so với năm 2021.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: thực hiện 2.310,17 ha/2.306,51 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 3,66 ha. Diện tích cao hơn là do điều chỉnh theo kết quả thống kê đất đai năm 2021.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 3,66 ha để thực hiện công trình, dự án. Kết quả không thực hiện được (đạt 0%). Hạng mục chưa thực hiện được: Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba (3,66 ha).

- Đất có mặt nước chuyên dùng: thực hiện 49,15 ha/49,15 ha. Diện tích ổn định không biến động so với năm 2021.

- Đất phi nông nghiệp khác: thực hiện 4,11 ha/4,11 ha. Diện tích ổn định không biến động so với năm 2021.

b.3. *Đất chưa sử dụng*: diện tích 601,04 ha/594,68 ha. Diện tích cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 6,36 ha. Diện tích cao hơn là do điều chỉnh theo kết quả thống kê đất đai năm 2021.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đưa 7,49 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng. Kết quả chưa thực hiện được (đạt 0 %).

2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 của huyện Sông Hinh qua biểu sau:

Biểu 07: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	179,70	3,79	-175,91	2,11
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,39	0,09	-1,30	6,47
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	139,05	2,72	-136,33	1,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	38,04	0,98	-37,06	2,58
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	1,20		-1,20	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,02		-0,02	
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,40		-2,40	

Nguồn: - Quyết định số 607/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 của huyện Sông Hinh; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

a. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 3,79 ha/179,70 ha, đạt 2,11 % (thấp hơn 175,91 ha) để xây dựng các công trình công cộng, mở rộng khu dân cư theo kế hoạch được phê duyệt. Diện tích chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp chủ yếu tập trung ở đất quốc phòng, đất phát triển hạ tầng, xây dựng các khu giãn dân, các khu dân cư phân lô, đất chuyển mục đích đất ở của hộ gia đình, cá nhân,... Cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa thực hiện 0,09 ha/1,39 ha. Diện tích chưa thực hiện chủ yếu là do chưa chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất giao thông, đất thủy lợi, đất ở tại nông thôn.

- Đất trồng cây hàng năm khác thực hiện 2,72 ha/139,05 ha, đạt 1,96 % (thấp hơn 136,33 ha). Do chưa chuyển sang đất quốc phòng, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất phát triển hạ tầng, đất ở nông thôn, đất ở đô thị, các loại đất phi nông nghiệp khác và trong nội bộ đất nông nghiệp (chuyển sang đất lúa tại xã Ea Lâm, đất nông nghiệp khác (102,55 ha)),...

- Đất trồng cây lâu năm thực hiện 0,98 ha/38,04 ha, đạt 2,58 % (thấp hơn 37,06 ha), do chưa chuyển sang đất quốc phòng, đất thương mại dịch vụ, đất phát triển hạ tầng (chủ yếu đất giao thông 25,97 ha), đất ở đô thị và nông thôn và trong nội bộ đất nông nghiệp (chuyển sang đất nông nghiệp khác, tổng diện tích 355,56 ha).

* Trong năm 2022, kết quả chuyển mục đích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 104 hộ, tổng diện tích là 22,93 ha (chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở 1,73 ha, đất thương mại dịch vụ 0,15 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,83 ha, đất nông nghiệp khác 4,91 ha, đất trồng cây lâu năm 8,2 ha) trên địa bàn các xã, thị trấn của huyện: thị trấn (21 hộ), xã Ea Lâm (02 hộ), Sơn Giang (13 hộ), Đức Bình Đông (10 hộ), Đức Bình Tây (10 hộ), Ea Bá (02 hộ) Ea Bar (12 hộ), Ea Ly (13 hộ), Ea Trol (06 hộ), Sông Hinh (04 hộ) và Ea Bia (09 hộ).

b. Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: chưa thực hiện (2,4 ha), do chưa thực hiện chuyển mục đích các hạng mục: Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng); Bán đấu giá QSD đất ở đô thị một phần diện tích thửa 47 tờ bản đồ số 122 tại khu phố 5; Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trường mẫu giáo Ea Trol điểm trường thôn kinh tế 2); Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang; Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây (thửa 65 tờ bản đồ số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ số 12); Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mầm non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ số 17); Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và điểm trường mầm non Thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16); Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn tại nhà SHCĐ thôn Chí Thán; Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn tại phân trường tiểu học thôn Đức Hiệp; Thu hồi, CMD trường tiểu học Ea Bar tại Buôn Chung sang đất ở nông thôn.

2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất

Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022 của huyện Sông Hinh qua biểu sau:

Biểu 08: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng		144,86	0,40	-144,46	0,28
1	Đất nông nghiệp	NNP	139,95	0,40	-139,55	0,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,27	-	-0,27	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	105,41	0,40	-105,01	0,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	33,07	-	-33,07	-
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	1,20	-	-1,20	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,91	-	-4,91	-
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3,75	-	-3,75	-

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Đất thủy lợi	DTL	0,68	-	-0,68	-
	Đất cơ sở y tế	DYT	0,05	-	-0,05	-
	Đất cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	2,21	-	-2,21	-
	Đất cơ sở thể dục-thể thao	DTT	0,23	-	-0,23	-
	Đất chợ	DCH	0,58	-	-0,58	-
2.2.	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,01	-	-0,01	-
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,83	-	-0,83	-
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,32	-	-0,32	-

Nguồn: - Quyết định số 607/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 của huyện Sông Hinh; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Tổng diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp đã thực hiện đề thu hồi thực hiện các công trình, dự án là 0,4 ha/144,86 ha, đạt 0,28 % (thấp hơn 144,46 ha). Trong đó toàn bộ là thu hồi đất nông nghiệp, cụ thể:

- Đất nông nghiệp thu hồi 0,40 ha/139,95 ha, đạt 0,29 % (thấp hơn 139,55 ha). Công trình đã thực hiện có diện tích phải thu hồi và CMD: Bán đấu giá quyền SDD ở nông thôn thuộc Công trình điểm dân cư Lâm Trường 2/4, thôn 2/4 xã Ea Ly, huyện Sông Hinh (17 lô).

Diện tích đất thu hồi đạt thấp do nhiều công trình, dự án chưa được triển khai; như Thao trường bán cụm xã tại Buôn Trinh, các khu giãn dân, khu đô thị, các tuyến đường giao thông liên xã thuộc dự án Criem, công trình phát triển hạ tầng và các công trình thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới,...

2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp

Trong năm chưa khai thác được diện tích đất chưa sử dụng (7,49 ha) vào mục đích đất phi nông nghiệp (đất nông nghiệp khác, đất sản xuất vật liệu xây dựng; đất giao thông và đất ở).

2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện đã đạt được những thành quả nhất định, thể hiện ở các mặt như: Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và tỉnh. Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại như sau:

- Các công trình, dự án thực hiện năm 2022 đạt thấp so với Kế hoạch sử dụng đất được duyệt do thiếu vốn đầu tư, thời gian thực hiện thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, bán đấu giá QSD đất các công sở diễn ra khá chậm.

- Nhiều hạng mục bán đấu giá quyền sử dụng đất nhưng còn thiếu phương án sắp xếp, xử lý tài sản gắn liền với đất của cấp có thẩm quyền nên chưa triển khai thực hiện.

- Một số dự án có quy mô lớn của cấp tỉnh trên địa bàn huyện như: mở rộng đất quốc phòng, mở rộng các tuyến giao thông liên xã (dự án Cirem) chậm triển khai nên chỉ tiêu sử dụng đất của huyện đạt thấp.

- Theo quy định (hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) đối với các công trình, dự án theo Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch. Để có thể triển khai kịp thời nếu trong năm có vốn bố trí hoặc kêu gọi, thu hút nhà đầu tư, do vậy còn một số dự án chưa xác định được nguồn vốn hoặc chưa có chủ đầu tư nhưng vẫn đề nghị được đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm để thực hiện. Tuy nhiên, rất nhiều hạng mục công trình, dự án đều không thể triển khai do không có vốn đầu tư, hoặc không kêu gọi, thu hút được nhà đầu tư.

- Một số nhà đầu tư đã cam kết thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư của địa phương nhưng chậm triển khai thực hiện theo đăng ký ban đầu, hoặc vướng mắc trong công tác thỏa thuận đất đai hoặc chưa thống nhất phương án hỗ trợ bồi thường thiệt hại về hoa màu với người dân nên chưa triển khai thực hiện được.

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất các xã, thị trấn chưa có kế hoạch thực hiện cụ thể, dứt điểm: nhiều xã, thị trấn đăng ký công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm kéo dài do chưa tiến hành hoàn thiện thủ tục đất đai theo qui định, trong khi công trình đã được xây dựng hoàn thành, đưa vào sử dụng.

2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất đưa vào KHSD đất còn nhiều bất cập, một số doanh nghiệp chưa tiếp cận được thông tin để đăng ký, hoặc chưa nắm rõ quy định về trình tự thủ tục đất đai trong việc đầu tư xây dựng công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất.

- Thiếu vốn đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn nhiều bất cập, các chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ, chưa sát với thực tế của các địa phương, nên khi áp dụng trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng khó thực thi, phát sinh nhiều khiếu kiện liên quan đến quyền lợi của người dân có đất bị thu hồi, làm cho nhiều dự án triển khai chậm và kéo dài.

- Công tác phổ biến pháp luật đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn nhiều hạn chế, chưa phổ biến rộng rãi vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm đến các chủ sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp,...

- Các xã, thị trấn đã triển khai tuyên truyền, phổ biến về thôn, buôn nhưng tỷ lệ hộ gia đình thực hiện chuyển mục đích rất thấp so với nhu cầu đăng ký. Đồng thời việc giới hạn hạn mức chuyển mục đích đất ở của

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

3.1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Tổng cộng công trình năm 2022: 134 công trình, trong đó: chuyển tiếp năm 2022 sang 110 công trình và đăng ký mới 24 công trình. Ngoài ra, năm kế hoạch 2023 huyện còn giao đất, cho thuê đất nông nghiệp, đất ở cho 10 trường hợp (trong đó 09 trường hợp chuyển tiếp và 01 trường hợp đăng ký mới) và 66 công trình đã xây dựng, đưa vào sử dụng nhưng chưa làm thủ tục đất đai (đưa vào phương án KHSD đất năm 2023 để làm thủ tục đất đai, thuộc nhiều chủ đầu tư), chi tiết qua biểu sau:

Biểu 09: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Số TT	Chủ đầu tư	Số lượng, diện tích công trình, dự án năm 2022		Chia ra			
				Năm 2021 chuyển sang		Đăng ký mới năm 2022	
		Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Tổng số dự án	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Tổ chức, đơn vị	134	534,45	110	458,97	24	75,48
1	Bộ CHQS tỉnh	1	25,00	1	25,00		
2	Ban CHQS huyện	7	51,88	2	6,88	5	45,00
3	Công an tỉnh	9	3,30	8	0,80	1	2,50
4	Tòa án nhân dân tỉnh	1	0,09	1	0,09		
5	Ban Tôn giáo quản lý, theo dõi	1	1,00			1	1,00
6	BQL các dự án ĐTXD tỉnh Phú Yên	4	60,00	4	60,00		
7	BQL điện nông thôn miền Trung	3	1,65	2	1,49	1	0,16
8	Trung tâm PT quỹ đất huyện	5	2,87	4	1,27	1	1,60
9	Phòng Tài chính KH	2	0,38	2	0,38		
10	Ban QL dự án ĐTXD huyện	17	30,00	14	25,50	3	4,50
11	Các Doanh nghiệp	29	305,99	25	290,17	4	15,82
12	UBND thị trấn Hai Riêng	6	2,39	5	1,39	1	1,00
13	UBND Xã Ea Lâm	5	23,99	5	23,99		
14	UBND Xã Đức Bình Tây	4	3,36	4	3,36		
15	UBND Xã Ea Bá	2	1,10	1	0,87	1	0,23
16	UBND Xã Sơn Giang	3	2,43	3	2,43		
17	UBND Xã Đức Bình Đông	4	2,91	4	2,91		
18	UBND Xã Ea Bar	3	0,27	3	0,27		
19	UBND Xã Ea Trol	8	4,35	5	2,55	3	1,80
20	UBND Xã Sông Hình	5	4,62	5	4,62		
21	UBND Xã Ea Ly	3	1,32	3	1,32		
22	UBND Xã Ea Bia	12	5,55	9	3,68	3	1,87
II	Mở rộng, giao đất, cho thuê đất	10	3.149,80	9	3.149,79	1	0,01

Số TT	Chủ đầu tư	Số lượng, diện tích công trình, dự án năm 2022		Chia ra			
				Năm 2021 chuyển sang		Đăng ký mới năm 2022	
		Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Tổng số dự án	Diện tích (ha)
	nông nghiệp, đất ở						
1	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân theo hiện trạng thôn Bình Giang	1	1,20	1	1,20		
2	Cho thuê đất vùng bán ngập, bãi bồi ven sông thôn Chí Thán	1	15,78	1	15,78		
3	Giao, cho thuê đất nông nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng	1	1.000,00	1	1.000,00		
4	Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng	1	500,00	1	500,00		
5	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá (theo QĐ số 2123/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND huyện)	1	949,96	1	949,96		
6	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá (theo QĐ số 247/QĐ-UBND, ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh)	1	681,30	1	681,30		
7	Giao đất xen kẽ nhà Ông Kha, Bà Đông	1	0,01	1	0,01		
8	Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh	1	1,50	1	1,50		
9	Giao đất ở cho ông Phùng Kim Lang (bồi thường bằng đất)	1	0,04	1	0,04		
10	Giao đất TĐC cho bà Nguyễn Thị Thi, Khu phố 5 (86,9 m ²)	1	0,01			1	0,01
III	Công trình đã xây dựng, nhưng chưa làm thủ tục đất đai (Đưa vào phương án KHSD đất năm 2023 để làm thủ tục đất đai, nhiều chủ đầu tư)	66	21,95	66	21,95		

Ghi chú: Chi tiết Công trình, dự án Biểu 10/CH

3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

Trong kế hoạch sử dụng đất 2023 có 1.007 trường hợp xin đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, với diện tích 554,13 ha. Chia theo các xã, thị trấn và loại đất sau khi chuyển mục đích qua biểu sau:

Biểu 10: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

Stt	Xã, thị trấn	Trường hợp	Diện tích xin chuyển	Loại đất sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng						
				BHK	CLN	NKH	SKC	TMD	ONT	ODT
	CỘNG	1.007	554,13	0,59	286,66	244,94	0,93	3,08	14,80	3,13
1	Thị trấn Hai Riêng	178	3,13							3,13
2	Xã Ea Lâm	22	1,41		0,92				0,49	
3	Xã Đức Bình Tây	21	3,66			1,03	0,93	1,36	0,34	

Stt	Xã, thị trấn	Trường hợp	Diện tích xin chuyển	Loại đất sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng						
				BHK	CLN	NKH	SKC	TMD	ONT	ODT
4	Xã Ea Bá	27	97,20		40,52	56,26			0,42	
5	Xã Sơn Giang	76	3,16		1,84				1,32	
6	Xã Đức Bình Đông	152	31,70	0,59	28,32				2,79	
7	Xã Ea Bar	190	76,45		46,45	26,35		0,02	3,63	
8	Xã Ea Trol	48	2,68					1,52	1,16	
9	Xã Sông Hinh	36	0,68						0,68	
10	Xã Ea Ly	197	331,70		168,61	160,05		0,18	2,85	
11	Xã Ea Bia	60	2,37			1,25			1,12	

Chi chú: Chi tiết số tờ số thửa, diện tích xin chuyển mục đích xem phụ biểu 1.

Hồ sơ chuyển mục đích các thửa đất được tiếp nhận và thực hiện theo trình tự thủ tục hành chính quy định; thửa đất chỉ được xem xét cho phép chuyển mục đích sau khi được thẩm định nhu cầu sử dụng đất và đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định hiện hành.

3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng các loại đất năm 2023 của huyện như sau:

Biểu 11: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2021
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$(6)=\frac{(5)}{(4)} \times 100$	$(7)=(5)-(4)$
A.	TỔNG DT TỰ NHIÊN		89.262,01	89.262,01	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.324,72	76.077,59	85,23	-247,13
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.062,04	2.086,18	2,34	24,14
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.453,83</i>	<i>1.479,75</i>	<i>1,66</i>	<i>25,92</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.242,60	25.974,03	29,10	-268,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.122,09	12.738,76	14,27	-383,33
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,28	20.948,28	23,47	0,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,61	13.759,91	15,42	-17,70
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>6.616,57</i>	<i>4.840,49</i>	<i>5,42</i>	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	112,70	0,13	-0,04
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	59,36	457,73	0,51	398,37
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.336,25	12.593,83	14,11	257,58
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1.081,01	1,21	51,88
2.2	Đất an ninh	CAN	2,40	5,70	0,01	3,30
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,32	19,55	0,02	13,23
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	59,68	82,49	0,09	22,81
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,03	21,53	0,02	-0,50

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2021
2.7	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	6,44	33,96	0,04	27,52
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	8.371,28	8.467,81	9,49	96,53
-	Đất giao thông	DGT	971,65	1.052,46	1,18	80,81
-	Đất thủy lợi	DTL	540,57	546,72	0,61	6,15
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,58	2,40	0,00	-0,18
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,65	4,60	0,01	-0,05
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,04	64,00	0,07	-1,04
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,30	14,94	0,02	0,64
-	Đất công trình năng lượng	DNL	6.678,31	6.680,25	7,48	1,94
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,93	0,93	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,13	4,13	0,00	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,62	4,62	0,01	1,00
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	80,74	88,18	0,10	7,44
-	Đất chợ	DCH	4,77	4,59	0,01	-0,18
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,53	18,19	0,02	0,66
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,14	17,14	0,02	8,00
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	357,14	376,22	0,42	19,08
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	67,45	87,10	0,10	19,65
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	17,94	0,02	-0,62
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,57	1,57	0,00	0,00
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,63	0,63	0,00	0,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2.306,51	2,58	-3,66
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,15	48,85	0,05	-0,30
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	4,11	0,00	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	601,04	590,59	0,66	-10,45

Ghi chú: - Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 06/CH.

Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 đều nằm trong chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được phê duyệt (QĐ 213/QĐ-UBND ngày 29/01/2022).

- Đất nông nghiệp 76.077,59/74.299,42 ha cao hơn 1.778,17 ha, do chưa chuyển hết chỉ tiêu đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Đất phi nông nghiệp 12.593,83 ha/14.855,40 ha thấp hơn 2.261,57ha, do chưa thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Đất chưa sử dụng 483,40 ha/107,19 ha cao hơn 550,96 ha, do chưa thực hiện hết chỉ tiêu đất chưa sử dụng để khai thác vào mục đích sử dụng đất nông

nghiệp và chuyển sang phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thì ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng. Năm 2023, sẽ chuyển 249,87 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp để xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất kinh doanh, đất ở,...

Biểu 12: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông	NNP/PNN	249,87
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,46
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,68</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	173,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	56,47
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	17,70
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,04
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,44

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 07/CH.

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Trên cơ sở xác định các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 có nhu cầu sử dụng đất và phải thu hồi, chuyển mục đích theo quy định. Diện tích đất cần phải thu hồi trong năm kế hoạch 202 khoảng 144,86 ha đất nông nghiệp và phi nông nghiệp:

Biểu 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
	Tổng cộng		185,18
1	Đất nông nghiệp	NNP	177,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,08
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	126,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	48,28
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	1,70
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7,68
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,60
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,07
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,01
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,05
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,65

Ghi chú:

-Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 08/CH.

- Chi tiết Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất xem biểu 10/CH.

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Để khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành. Năm 2023, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: 10,45 ha, khai thác vào mục đích đất nông nghiệp khác, đất phi nông nghiệp (sử dụng vào đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất phát triển hạ tầng và đất ở đô thị).

Biểu 14: Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Tổng diện tích
	Tổng cộng		10,45
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,56
1.1	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,56
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9,89
1.1	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	5,82
1.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,00
1.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,01

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 09/CH.

3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023

Tổng cộng công trình năm 2022: 134 công trình, trong đó: chuyển tiếp năm 2022 sang 110 công trình và đăng ký mới 24 công trình. Ngoài ra, năm kế hoạch 2023 huyện còn giao đất, cho thuê đất nông nghiệp, đất ở cho 10 trường hợp (trong đó 09 trường hợp chuyển tiếp và 01 trường hợp đăng ký mới) và 66 công trình đã xây dựng, đưa vào sử dụng nhưng chưa làm thủ tục đất đai (đưa vào phương án KHSD đất năm 2023 để làm thủ tục đất đai, thuộc nhiều chủ đầu tư), chi tiết qua biểu sau:

Biểu 15: Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
I.	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh				
a.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh				
1	Căn cứ hậu phương 3 (Khu vực quốc phòng 2 tại Hòn Cò)	Chuyển tiếp	Ea Trol	BCHQS tỉnh	25,00
2	Thao trường bắn cụm xã tại Buôn Trinh	Chuyển tiếp	Ea Bar	BCHQS huyện	4,20
3	Trận địa 12,7mm tại khu phố 3 (Công trình chiến đấu 1 tại khu phố 3)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	BCHQS huyện	2,68
4	Thao trường huấn luyện cụm xã Sơn Giang	Đăng ký mới	Sơn Giang	BCHQS huyện	4,00
5	Trận địa Phòng không 12,7mm, xã	Đăng ký	Sơn Giang	BCHQS	3,00

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
	Sơn Giang	mới		huyện	
6	Trận địa Phòng không 12,7mm, xã Đức Bình Đông	Đăng ký mới	Đức Bình Đông	BCHQS huyện	3,00
7	Trường bắn, thao trường huấn luyện cụm xã Đức Bình Đông	Đăng ký mới	Đức Bình Đông	BCHQS huyện	5,00
8	Căn cứ chiến đấu, xã Ea Trol	Đăng ký mới	Ea Trol	BCHQS huyện	30,00
9	Trụ sở công an xã Ea Lâm	Chuyển tiếp	Ea Lâm	Công an tỉnh	0,08
10	Trụ sở công an xã Đức Bình Tây	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	Công an tỉnh	0,10
11	Trụ sở công an xã Sơn Giang	Chuyển tiếp	Sơn Giang	Công an tỉnh	0,10
12	Trụ sở công an xã Ea Bar	Chuyển tiếp	Ea Bar	Công an tỉnh	0,13
13	Trụ sở công an xã Ea Trol	Chuyển tiếp	Ea Trol	Công an tỉnh	0,09
14	Trụ sở công an xã Sông Hinh	Chuyển tiếp	Sông Hinh	Công an tỉnh	0,10
15	Trụ sở công an xã Ea Ly	Chuyển tiếp	Ea Ly	Công an tỉnh	0,10
16	Trụ sở công an xã Ea Bia	Chuyển tiếp	Ea Bia	Công an tỉnh	0,10
17	Trụ sở phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực huyện Sông Hinh tại thị trấn Hai Riêng	Đăng ký mới	Hai Riêng	Công an tỉnh	2,50
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
a.	Công trình, dự án cấp tỉnh trên địa bàn huyện				
a.1.	Công trình, dự án do: BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên làm chủ đầu tư				
1	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá)	Chuyển tiếp	Ea Bá, Ea Bar	BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên	17,00
2	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly	Chuyển tiếp	Ea Bar, Ea Ly	BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên	11,00
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông	Chuyển tiếp	Sơn Giang, Đức Bình	BQL các dự án ĐTXD	19,00

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
			Đông	tỉnh Phú Yên	
4	Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi xã Đức Bình Tây	Chuyển tiếp	Ea Bia, Đức Bình Tây	BQL các dự án ĐTXD tỉnh Phú Yên	13,00
a.2.	Công trình, dự án do: BQL điện nông thôn miền Trung làm chủ đầu tư				
1	Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đấu nối	Chuyển tiếp	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	BQL điện nông thôn miền Trung	0,78
2	Đường dây và trạm biến áp 110 KV	Chuyển tiếp	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	BQL điện nông thôn miền Trung	0,71
3	Tiểu dự án Cải tạo và Phát triển lưới điện phân phối tỉnh Phú Yên (vốn vay JICA)	Đăng ký mới	Ea Bar, Ea Bia, TT Hai Riêng	BQL điện nông thôn miền Trung	0,16
a.3.	Công trình, dự án do: Tòa án tỉnh Phú Yên làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng trụ sở tòa án huyện Sông Hinh	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Tòa án tỉnh Phú Yên	0,09
a.4.	Công trình, dự án do Ban Tôn giáo quản lý, theo dõi				
1	Mở rộng nhà nguyện Sơn Giang (Giáo xứ Sơn Giang)	Đăng ký mới	Sơn Giang	Giáo xứ Sơn Giang	1,00
a.5.	Công trình, dự án do: Doanh nghiệp làm chủ đầu tư				
1	Trang trại chăn nuôi Tổ Hợp Xanh	Chuyển tiếp	Ea Ly	Cty TNHH Tổ Hợp Xanh	26,27
2	Trang trại Bò công nghệ cao Đức Bình Phú Yên	Chuyển tiếp	Tân Lập - Đức Bình Đông	Cty TNHH Chăn nuôi	4,20

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
				CNC Đức Bình Phú Yên	
3	Trạm trại chăn nuôi heo công nghệ cao khép kín DLH Farm - Ea Bar	Chuyển tiếp	Ea Đin- Ea Bar	Cty TNHH DLH FARM	31,01
4	Trạm trại chăn nuôi heo Buôn Bai	Chuyển tiếp	Buôn Bai, Ea Lâm	Công ty TNHH Nông nghiệp Ea Lâm	25,51
5	Trạm trại chăn nuôi heo Ea Lâm	Chuyển tiếp	Buôn Bai, Ea Lâm	Công ty TNHH phát triển chăn nuôi Ea Lâm	26,47
6	Trạm trại chăn nuôi heo Ea Trol	Chuyển tiếp	Ea Trol	Công ty TNHH TM An Gia Long	21,14
7	Trạm trại chăn nuôi heo Ea Bar 1	Chuyển tiếp	Buôn Ken, Ea Bá, Buôn Trinh xã Ea Bar	CT CP chăn nuôi Phú Yên	23,18
8	Trạm trại chăn nuôi heo công nghệ cao Sông hình	Chuyển tiếp	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông	Công Ty TNHH chăn nuôi CNC Sông Hình	25,04
9	Trạm trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Bar 2	Chuyển tiếp	Buôn Trinh, Ea Bar	CT TNHH Chăn nuôi DST Miền Trung	21,49
10	Trạm trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Ly 1	Chuyển tiếp	Tân Yên - Ea Ly	CT CP chăn nuôi Phú Yên	20,24
11	Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hình tại khu phố 10 thị trấn	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Cty cổ phần xăng	0,07

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
				dầu, dầu khí Phú Yên	
12	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Nam Vương	Chuyển tiếp	thôn 2/4, xã Ea Ly	Công ty TNHH MTV Nan Vương	0,20
13	Khu du lịch khu sinh thái Thác Drai Tang	Chuyển tiếp	Ea Trol	Công ty TNHH Tâm Phú Minh	2,36
14	Xây dựng nhà máy nước Hai Riêng Công suất 5.000 m3/ngđ	Chuyển tiếp	Ea Bia	Công ty cấp thoát nước Phú Yên	0,98
15	Nhà Máy sản xuất gạch xi măng không nung Cty TNHH TM Tô Gia	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Cty TNHH Tô Gia	1,00
16	Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biều (Cty cổ phần 3-2)	Chuyển tiếp	Sơn giang	Công ty cổ phần 3-2	0,50
17	Mở rộng diện tích nhà máy keo tại Buôn Quang Dù	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	Thu hút đầu tư	3,00
18	Khu sản xuất kinh doanh dọc trục đường QL 19C tại buôn Thu	Đăng ký mới	Ea Trol	Thu hút đầu tư	10,00
19	Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Thu hút đầu tư	5,00
20	Đất san lấp tại đồi buôn Suối Mây	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Thu hút đầu tư	1,78
21	Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất san lấp thôn Tân Yên, xã Ea Ly)	Chuyển tiếp	Ea Ly	Thu hút đầu tư	3,59
22	Đất san lấp buôn Quang Dù (Công ty TNHH Nhất Lam 2,43 ha, thửa 359 tờ BĐ 35)	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	Công ty TNHH Nhất Lam	2,43
23	Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba	Chuyển tiếp	Sơn Giang	Thu hút đầu tư	4,00
24	Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	Thu hút đầu tư	5,48
25	Đất san lấp đồi bãi 4 buôn Bàu (mỏ đất đồi bãi 4 buôn Bàu)	Đăng ký mới	Ea Trol	Thu hút đầu tư	1,57
26	Đất san lấp tại đồi Chư Búk, buôn Bàu (mỏ đất đồi Chư Búk, buôn Bàu)	Đăng ký mới	Ea Bá	Thu hút đầu tư	2,39
27	Đất san lấp tại đồi Chư Tnuk, buôn Dành (mỏ đất đồi Chư Tnuk, buôn Dành)	Đăng ký mới	Ea Bia	Thu hút đầu tư	1,86
28	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Kêu gọi đầu tư	34,23

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
29	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Sông Hinh 3 (sử dụng 233 ha diện tích mặt nước hồ thủy điện Sông Hinh, không tính diện tích tăng thêm. Diện tích chiếm đất đặt Trạm biến áp 1,0 ha)	Chuyển tiếp	Ea Trol	Thu hút đầu tư	1,00
b	Công trình, dự án của huyện:				
b1.	Công trình, dự án do: Ban QLDAXD huyện làm chủ đầu tư				
1	Tuyến đường từ QL29 đi buôn Diêm	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	1,60
2	Đường Nguyễn Công Trứ nối dài	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	0,073
3	Đường Nguyễn Du	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	1,66
4	Đường giao thông buôn Thô đi Suối Mây	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	1,97
5	Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	4,74
6	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	0,25
7	Đường giao thông từ Lương Văn Chánh đến giáp đường QL29	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	3,50
8	Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	1,80
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar	Chuyển tiếp	Ea Bar	Ban QLDAXD huyện	0,16
10	Trạm bơm Ea Lâm 2	Chuyển tiếp	Ea Lâm	Ban QLDAXD huyện	1,40
11	Công viên cây xanh xã Ea Ly	Chuyển tiếp	Ea Ly	Ban QLDAXD huyện	2,10
12	Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông	Chuyển tiếp	Ea Bia	Ban QLDAXD huyện	1,00
13	Công viên tuyến đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	2,50
14	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị	Chuyển	Hai Riêng	Ban	2,30

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
	trần Hai Riêng (giai đoạn 1)	tiếp		QLDAX D huyện	
15	Trạm bơm Đồng Phú	Đăng ký mới	Đức Bình Tây	Ban QLDAX D huyện	2,70
16	Chợ xã Sông Hinh	Đăng ký mới	Sông Hinh	Ban QLDAX D huyện	0,50
17	Trường tiểu học Đức Bình Đông	Đăng ký mới	Đức Bình Đông	Ban QLDAX D huyện	1,30
b2.	Công trình, dự án do: Trung tâm PTQĐ huyện làm chủ đầu tư				
1	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đất trồng cây lâu năm (đối với đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thu hồi của Công ty TNHH MTV Ea Bá)	Đăng ký mới	Ea Bar	TTPT quỹ đất huyện	1,60
2	Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	TTPT quỹ đất huyện	0,73
3	Bán đấu giá QSD đất ở đô thị một phần diện tích thửa 47 tờ bản đồ số 122 tại khu phố 5	Chuyển tiếp	Hai Riêng	TTPT quỹ đất huyện	0,014
4	Giao đất, bán đấu giá QSD đất ở đô thị các lô trong khu quy hoạch dân cư khu phố 7	Chuyển tiếp	Hai Riêng	TTPT quỹ đất huyện	0,46
5	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trường mẫu giáo Ea Trol điểm trường thôn kinh tế 2)	Chuyển tiếp	Ea Trol	TTPT quỹ đất huyện	0,07
b3.	Công trình, dự án do: phòng Tài chính KH huyện làm chủ đầu tư				
1	Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Sở Tài chính (Phòng TCKH theo dõi)	0,18
2	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang	Chuyển tiếp	Sơn giang	Phòng TCKH	0,20
b4.	Công trình, dự án do: phòng Kinh tế hạ tầng huyện làm chủ đầu tư				
b5.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng tuyến đường từ buôn Hai Riêng đi trường PTDTNT huyện Sông Hinh (Khu giãn dân buôn Hai Riêng)	Đăng ký mới	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	1,00
2	DA cơ sở hạ tầng QH dân cư và công	Chuyển	Hai Riêng	UBND	0,83

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
	trình công cộng khu phố 7	tiếp		thị trấn Hai Riêng	
3	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng KP 9 (KP9+ buôn Suối Mây)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,10
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,03
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố 7	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,10
6	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mâm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây (thửa 65 tờ bản đồ số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ số 12)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,33
b6.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Lâm làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng đất trồng lúa nước tại buôn Học (khu vực trạm bơm Ea Lâm 1)	Chuyển tiếp	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	20,00
2	Xây dựng đường lên đồi 75 (nhà Ma Sói lên đồi 75)	Chuyển tiếp	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	0,51
3	Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75	Chuyển tiếp	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	1,28
4	Mở rộng đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đi trạm bơm Ea Lâm 2	Chuyển tiếp	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	0,40
5	Dự án mở rộng điểm giải dân Buôn Bai	Chuyển tiếp	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	1,80
b7.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Tây làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng tuyến đường từ chợ (thôn Đồng Phú) đến giáp ngã 3 (QL 19C thôn An Hòa)	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	UBND xã Đức Bình Tây	0,65
2	Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	UBND xã Đức Bình Tây	1,83
3	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mần non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	UBND xã Đức Bình Tây	0,193

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
	số 17)				
4	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và điếm trường mần non Thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16)	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	UBND xã Đức Bình Tây	0,686
b8.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bá làm chủ đầu tư				
1	Sân thể thao trung tâm xã Ea Bá	Chuyển tiếp	Ea Bá	UBND xã Ea Bá	0,87
2	Đường đi khu sản xuất đất đen buôn Chao (giáp Viện cao su)	Đăng ký mới	Ea Bá	UBND xã Ea Bá	0,23
b9.	Công trình, dự án do: UBND xã Sơn Giang làm chủ đầu tư				
1	Nối dài tuyến đường T18 thôn Nam Giang	Chuyển tiếp	Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	0,20
2	Đường dọc kênh chính Tây đi hồ Suối Thị	Chuyển tiếp	Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	1,23
3	Mở rộng nghĩa địa thôn Vạn Giang	Chuyển tiếp	Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	1,00
b10.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Đông làm chủ đầu tư				
1	Đường giao thông trong các khu dân cư phân lô (mở nối từ khu dân cư bán đấu giá QSDĐ lô 2 Tân Lập lên đến đường nhựa và nâng cấp đoạn từ đường QL29 đến khu dân cư bán đấu giá lô 2 Tân Lập)	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	UBND xã Đức Bình Đông	1,10
3	Quy hoạch KDC lô 2 Bình Giang (Bán đấu giá QSD đất khu quy hoạch dân cư Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang)	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	UBND xã Đức Bình Đông	1,60
4	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn tại nhà SHCĐ thôn Chí Thán.	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	UBND xã Đức Bình Đông	0,01
5	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn tại phân trường tiểu học thôn Đức Hiệp.	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	UBND xã Đức Bình Đông	0,20
b11.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bar làm chủ đầu tư				
1	Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi	Chuyển tiếp	Ea Bar	UBND xã Ea Bar	0,04
2	Nhà SHCĐ và thể thao thôn Chư Blôi	Chuyển	Ea Bar	UBND	0,20

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
		tiếp		xã Ea Bar	
3	Thu hồi, CMD trường tiểu học Ea Bar tại Buôn Chung sang đất ở nông thôn	Chuyển tiếp	Buôn Chung, Ea Bar	UBND xã Ea Bar	0,03
b12.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Trol làm chủ đầu tư				
1	Đường nội đồng từ hồ Buôn Đức đi QL 19C	Chuyển tiếp	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,80
2	Đường nội đồng từ QL 19C đi đồng ruộng buôn Đức Mùi	Chuyển tiếp	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,55
3	Quy hoạch nghĩa địa thôn Chư Sai	Chuyển tiếp	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,70
4	Mở rộng Nghĩa địa buôn Thu	Chuyển tiếp	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,40
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn	Chuyển tiếp	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,10
6	Mở rộng tuyến đường buôn Thu đi buôn Ly	Đăng ký mới	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,40
7	Mở rộng nhà SHCD và sân thể thao buôn Thu	Đăng ký mới	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,14
8	Mở rộng nghĩa địa buôn Bàu (theo hiện trạng)	Đăng ký mới	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	1,26
b13.	Công trình, dự án do: UBND xã Sông Hinh làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng tuyến đường từ QL19C đi thôn Hà Roi (từ nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ea Ngao đi thôn Hà Roi)	Chuyển tiếp	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	1,26
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Hòa Sơn	Chuyển tiếp	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	0,92
3	Mở rộng nghĩa địa thôn Hà Roi	Chuyển tiếp	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	0,72
4	Mở rộng nghĩa địa buôn Kít	Chuyển tiếp	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	1,00
5	Khu dân cư Suối Dứa (Ea Ngao)	Chuyển tiếp	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	0,72

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
b14.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Ly làm chủ đầu tư				
1	Mở mới tuyến đường nội bộ khu dân cư thôn Tân Yên	Chuyển tiếp	Ea Ly	UBND xã Ea Ly	0,15
2	Bên xe xã Ea Ly	Chuyển tiếp	Ea Ly	UBND xã Ea Ly	0,68
3	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Chuyển tiếp	Ea Ly	UBND xã Ea Ly	0,49
b15.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bia làm chủ đầu tư				
1	Đường nội đồng từ rẫy Hờ Béo (buôn Ma Sung) đến ngã ba thôn Bình Giang - Đức Bình Đông	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,97
2	Mở mới tuyến đường từ nhà Ma Đim đi đường liên buôn Krông và 2 Klôc	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,30
3	Nâng cấp và mở mới tuyến từ rẫy Lê Văn Văn đến giáp đường BTXM liên xã đi xã Ea Trol	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,24
4	Nâng cấp mở rộng tuyến từ buôn Krông đến buôn Dành	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,50
5	Đường vào nghĩa địa buôn Nhum	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,05
6	Nâng cấp mở rộng tuyến từ rẫy Mi Vét đến rẫy ông Ma Cang	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,16
7	Nâng cấp mở rộng tuyến từ rẫy Mi Vét đến thác Jrai Thur	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,25
8	Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,60
9	Mở rộng nghĩa địa Buôn Krông	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,61
10	Mở rộng tuyến đường từ nghĩa địa buôn Krông đến bờ sông Hinh đi buôn Dành	Đăng ký mới	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,75
11	Mở rộng tuyến đường từ nghĩa địa buôn Krông đến thác Jrai Thur	Đăng ký mới	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,60
12	Đường trục chính nội đồng từ buôn Ma Sung đến thác Khỏi	Đăng ký mới	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,52
III.	Giao đất, cho thuê đất nông nghiệp,				

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
	đất ở				
1	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân theo hiện trạng thôn Bình Giang	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	UBND xã	1,20
2	Cho thuê đất vùng bán ngập, bãi bồi ven sông thôn Chí Thán	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	TTPT quỹ đất huyện	15,78
3	Giao, cho thuê đất nông nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng	Chuyển tiếp	Các xã	UBND xã	1.000,00
4	Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng	Chuyển tiếp	Các xã	UBND xã	500,00
5	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá (theo QĐ số 2123/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND huyện)	Chuyển tiếp	Ea Bar	UBND xã	949,96
6	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá (theo QĐ số 247/QĐ-UBND, ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh)	Chuyển tiếp	Ea Bar	UBND xã	681,30
7	Giao đất xen kẽ nhà Ông Kha, Bà Đông	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,01
8	Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh	Chuyển tiếp	Ea Bar	UBND xã	1,50
9	Giao đất ở cho ông Phùng Kim Lang (bồi thường bằng đất)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,04
10	Giao đất TĐC cho bà Nguyễn Thị Thi, Khu phố 5 (86,9 m ²)	Đăng ký mới	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,01
IV.	Chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân				
1	CMĐ đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất sang trồng cây hàng năm và lâu năm tại các xã (theo ĐCQH 3 loại rừng)	Đăng ký mới	Ea Lâm; Ea Bá; Sơn Giang; Đức Bình Đông; Ea Bar; Ea Ly.	Hộ gia đình	286,67
2	Mở rộng đất cây lâu năm chuyển từ đất sản xuất VLXD, làm đồ	Đăng ký mới	Sơn Giang	Hộ gia đình	0,58
3	Đất nông nghiệp khác	Đăng ký mới	Đức Bình Tây; Ea Bá; Ea Bar; Ea Ly	Hộ gia đình	244,94

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
			và Ea Bia		
4	Đất thương mại, dịch vụ	Đăng ký mới	Đức Bình Tây; Ea Ly; Ea Bar; Ea Trol	Hộ gia đình	3,08
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đăng ký mới	Đức Bình Tây	Hộ gia đình	0,93
6	Chuyển mục đích đất ở đô thị	Đăng ký mới	Hai Riêng	Hộ gia đình	3,13
7	Chuyển mục đích đất ở nông thôn	Đăng ký mới	Các xã	Hộ gia đình	14,80

chi tiết xem biểu 10/CH:

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác để tăng độ che phủ cho đất, bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong đó chú trọng phát triển các loại giống cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến động thời tiết và khả năng kháng dịch bệnh cao. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới, quan tâm nhiều hơn đến môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; hướng đến nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững.

- Tăng cường các biện pháp điều tiết nguồn nước bảo đảm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện; áp dụng công nghệ và phương pháp sản xuất tiết kiệm nước; chủ động phòng chống và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; thực hiện nề nếp công tác cấp phép khai thác tài nguyên nước và cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng nước sạch, xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường nhằm xây dựng môi trường sống xanh-sạch-đẹp và đảm bảo phát triển bền vững.

- Cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp,

các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp, các trang trại, khu chăn nuôi tập trung,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.

- Những vùng đất trồng cây công nghiệp dài ngày, những vườn cây đã già cỗi, mạng lại hiệu quả kinh tế thấp cần tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi cây trồng hoặc thay thế cây trồng mới để mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Phát triển thủy điện, khai thác tốt tiềm năng hiện có gắn với bảo vệ môi trường sinh thái cần tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ: xác định đầy đủ, chính xác và thực hiện đúng các tiêu chí về môi trường, xem nó như là cơ sở cứng để đánh giá tiêu chí môi trường dự án và là một điều kiện đủ để đầu tư dự án. Từ yêu cầu đặt ra là các dự án thủy điện cần đảm bảo được sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và ổn định; bảo vệ được các hệ sinh thái tự nhiên; cung cấp nước cho các hoạt động kinh tế - xã hội ở vùng hạ lưu; đảm bảo cho nhân dân ở vùng xây dựng các nhà máy thủy điện có đời sống vật chất, tinh thần ổn định cần thiết.

4.2. Các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn và nhân lực để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, đề đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí có lợi thế, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị trấn,... để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ,...

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư.

- Kêu gọi nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp để khai thác khu du lịch, khu thương mại dịch vụ tại trung tâm huyện.

- Tiếp tục thực hiện hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

4.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Ứng dụng các loại giống cây trồng chịu hạn, giống ngắn ngày vào sản xuất để tiết kiệm nước tưới trong sản xuất nông nghiệp.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất nông nghiệp để doanh nghiệp, HTX, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân khai thác thông tin đầu tư sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Trong sản xuất công nghiệp-TTCN; chế biến nông, lâm, thủy sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

- Ưu tiên đầu tư công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải, rác thải; tái chế rác thải cho cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

- Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản;

- Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nước trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại,...

4.4. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; kế hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất toàn huyện được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển du lịch-dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, để nâng cao đời sống nhân dân, đáp ứng mục tiêu đô thị hóa.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thu hồi đất.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được phê duyệt, tổ chức triển khai, hướng dẫn nhân dân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất các năm tiếp theo đúng phạm vi, ranh giới quy hoạch.

- Hàng năm, phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho UBND huyện, để làm cơ sở điều chỉnh lập kế hoạch sử dụng đất cho năm sau.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Dự án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện và các ngành năm 2023. Dự án đã đánh giá khái quát về điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội toàn huyện, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và xác định những tồn tại, nguyên nhân để làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho các ngành nhằm đạt được mục tiêu đề ra và có tính khả thi cao hơn.

Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất: đất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác,...); đất phi nông nghiệp (đất trụ sở cơ quan, đất quốc phòng, an ninh, đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất ở tại khu vực nông thôn, đô thị, đất phát triển hạ tầng (*đất giao thông, thủy lợi, đất cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục-đào tạo, đất thể dục-thể thao,...*); xác định quỹ đất đáp ứng chỉ tiêu tinh phân bổ cho huyện và nhu cầu sử dụng đất phát triển các ngành kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2023.

Thực hiện dự án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 sẽ góp phần đạt được các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện và bố trí đủ đất để thực hiện các dự án, công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Kiến nghị

Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm phụ thuộc vào nguồn vốn thực hiện các công trình, dự án. Vì vậy, hàng năm các cơ quan, ban ngành, các doanh nghiệp,... cần sớm đăng ký danh mục các công trình, dự án thực hiện trên địa bàn để việc lập KHSD đất được đầy đủ, chính xác.

Đề nghị UBND huyện tập trung chỉ đạo các ngành chức năng của huyện và UBND các xã, thị trấn hoàn thiện các thủ tục đất đai đối với các công trình, dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa tiến hành làm thủ tục đất đai đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có một số công trình, dự án đã triển khai thực hiện và được kiểm kê, thống kê diện tích, thể hiện trên bản đồ trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019, nhưng chưa có quyết định giao đất. Năm kế hoạch 2023, đã thống kê các công trình, dự án vào phương án kế hoạch sử dụng đất của huyện để làm căn cứ giao đất cho các đối tượng sử dụng và quản lý khi có nhu cầu.